

Bản án số: 43/2021/HS-ST
Ngày 31-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lâm – Chủ tịch Liên đoàn lao động thị xã Phước Long, nguyên là giáo viên trung học cơ sở

2. Ông Phạm Văn Du - Phó chủ tịch HĐND phường Long Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc V - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân T (Tý nhỏ), sinh ngày 11/02/2005 tại Bình Phước; HKTT: Khu phố V, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nơi cư trú hiện nay: Khu phố B, phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân D (Trần Văn D) và bà Nguyễn Thị N; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giam từ ngày 30/4/2021, đến ngày 24/6/2021 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

2. Lai Đức T1 (T1 chuối), sinh năm 1997 tại Bình Phước; HKTT: Khu phố 2, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn) 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lai Minh T2 và bà Trần Thị Mê L; Sống chung như vợ chồng với Phạm Thị Minh Kim Y và có một người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giam từ ngày 30/4/2021 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (có mặt) và ông Trần Xuân D, sinh năm 1971 (vắng mặt), trú tại: Khu phố B, phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nguyễn Ghi K, sinh năm 1972 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước. (có mặt)

- Bị hại: Ông Phạm T3, sinh năm 1970, trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm 1968, trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

2. Anh Lê Quang V, sinh năm 1982, trú tại: Khu phố 3, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 29/4/2021, bị cáo T1 và T đang chơi game tại tiệm “Đại Ý” thì gặp Lê Quang V (tên gọi khác là L), tại đây bị cáo T1 hỏi mượn xe của anh V để chở bị cáo T về thì anh V đồng ý và giao xe mô tô hiệu Honda loại Wave, biển số: 93K1-050.49 cho bị cáo T1. Sau khi mượn được xe, bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo T1 vào Phước Long, lúc này bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp T1 sản của người khác nên đã rủ bị cáo T1 xem có xe mô tô nào sơ hở để trộm thì bị cáo T1 đồng ý. Sau khi vào khu vực phường M và phường S nhưng không tìm thấy xe mô tô nào sơ hở để trộm nên cả hai bị cáo quay về, khi đi qua con hẻm vào tiệm “X Game” thuộc khu phố 3, phường B, thị xã Phước Long thì bị cáo T1 nhìn thấy anh Phạm T3 đang ngồi trên xe mô tô dừng ở lề đường trên tay có cầm điện thoại hiệu Nokia loại 3.1 nên bị cáo T1 liền nói với bị cáo T “lấy cái điện thoại” thì T đồng ý. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe chạy ngang qua chỗ anh T3 đang đứng, xuống trước cổng tiệm “X game” rồi quay đầu xe chạy lên, khi đến gần vị trí anh T3 đang đứng, bị cáo T liền áp sát xe vào, bị cáo T1 ngồi sau dùng tay giật điện thoại trên tay anh T3. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, cả hai bỏ chạy vào khu vực “nhà tắm” thuộc khu phố 1, phường P rồi bị cáo T1 lấy điện thoại ra đưa cho bị cáo T, T cầm bỏ vào túi rồi cả hai ra trung tâm hành chính chơi. Một lúc sau bị cáo T1 chạy xe về nhà anh V để trả xe và kể lại việc mình mới giật điện thoại của người khác cho anh V và anh Lê Văn T3 biết. Bị cáo T sau khi biết được bị hại đã báo Công an nên rất hoảng sợ, lúc này T có gặp người quen là anh Nguyễn Văn L1 và nhờ anh L1 cầm điện thoại lên Công an phường giao nộp thì anh L1 đồng ý, sau đó anh L1 đã giao nộp cho Công an phường P. Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long tiến hành xác minh, mời T và T1 về trụ sở làm việc. Quá trình làm việc các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật chứng thu giữ được gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX màu đỏ - đen, biển số: 93K1- 050.49; 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu NOKIA loại 3.1 màu đen; một áo khoác dài tay màu đen; một áo sơ mi dài tay màu xám; một quần Jeans shot ngắn màu xanh bị rách hai bên đùi; một đôi dép quai ngang, phần quai màu vàng, phần đế dép màu đen, hiệu FASHION; một áo vải sơ mi tay dài màu xanh; một quần Jeans dài, màu xám đen, quần bị rách hai bên đùi; một đôi dép loại quai kẹp, phần quai màu đen, hình tam giác màu vàng, có in chữ trên quai màu trắng: “FENDI”, phần trên của đế dép màu đỏ, mặt dưới của đế dép màu đen, có đường kẻ xung quanh màu trắng.

Theo bản kết luận định giá T1 sản số 14/HĐ.ĐGTSTTHS.21 ngày 13/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: Giá trị của một điện thoại di động hiệu Nokia loại 3.1 màu đen là 1.200.000 đồng.

Ngày 30/4/2021, Trần Xuân T và Lai Đức T1 bị khởi tố bị can để điều tra.

Tại bản cáo trạng số 45/CTr-VKSPL ngày 30/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Trần Xuân T và Lai Đức T1 về Tội cướp giật tài sản theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Xuân T và Lai Đức T1 về Tội cướp giật tài sản; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo T từ 20 tháng đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo T1 từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, bắt tạm giam bị cáo T ngay tại phiên tòa vì trong thời gian áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh bị cáo T nhiều lần có hành vi đập phá đồ đạc trong nhà, đe dọa người thân, có khả năng tiếp tục phạm tội.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy một áo khoác dài tay màu đen; một áo sơ mi dài tay màu xám; một quần Jeans shot ngắn màu xanh bị rách hai bên đùi; một đôi dép quai ngang, phần quai màu vàng, phần đế dép màu đen, hiệu FASHION; một áo vải sơ mi tay dài màu xanh; một quần Jeans dài, màu xám đen, quần bị rách hai bên đùi; một đôi dép loại quai kẹp, phần quai màu đen, hình tam giác màu vàng, có in chữ trên quai màu trắng: “FENDI”, phần trên của đế dép màu đỏ, mặt dưới của đế dép màu đen, có đường kẻ xung quanh màu trắng.

Trách nhiệm dân sự: Không.

- Người bào chữa cho bị cáo T bào chữa:

Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát về việc bị cáo T phạm Tội cướp giật tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự; bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo T chưa đủ tuổi, trình độ học vấn thấp, bị bị cáo T1 rủ rê, chưa có nghề nghiệp, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo T hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo T từ 15 tháng đến 20 tháng tù.

Không có ý kiến đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng khoản 2 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo T.

- Bị cáo T và T1 tự bào chữa: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến bào chữa.

- Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T không nói lời sau cùng.

Bị cáo T1: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình và vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau về cách thức thực hiện hành vi, thời gian, địa điểm và tài sản chiếm đoạt được; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 29/4/2021, bị cáo T cùng với bị cáo T1 đã có hành vi điều khiển xe mô tô áp sát vị trí bị hại đang đứng và dùng tay nhanh chóng cướp giật tài sản của bị hại là một điện thoại di động hiệu Nokia loại 3.1 màu đen có giá trị 1.200.000 đồng, sau đó nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành Tội cướp giật tài sản và các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Viện kiểm sát truy tố và luận tội các bị cáo theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo T có vai trò là người khởi xướng và cùng bị cáo T1 trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội, bị cáo T mới 16 tuổi 02 tháng 19 ngày nên cần áp dụng quy định tại Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T. Ngoài ra, các bị cáo đều có nhân thân tốt.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự” quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo T1 không có thu nhập ổn định, bị cáo T dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án:

01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu NOKIA loại 3.1 màu đen là tài sản hợp pháp của bị hại nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại T3 là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX màu đỏ - đen, biển số: 93K1- 050.49, số máy: HC12E-2256872, số khung: RLHHC12388Y499151 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ngọc T4, bà T4 không biết xe được dùng vào mục đích phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T4 là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Một áo khoác dài tay màu đen; một áo sơ mi dài tay màu xám; một quần Jeans shot ngắn màu xanh bị rách hai bên đùi; một đôi dép quai ngang, phần quai màu vàng, phần đế dép màu đen, hiệu FASHION; một áo vải sơ mi tay dài màu xanh; một quần Jeans dài, màu xám đen, quần bị rách hai bên đùi; một đôi dép loại quai kẹp, phần quai màu đen, hình tam giác màu vàng, có in chữ trên quai màu trắng: “FENDI”, phần trên của đế dép màu đỏ, mặt dưới của đế dép màu đen, có đường kẻ xung quanh màu trắng là tư vật của bị cáo T và T1 nhưng các bị cáo không có yêu cầu được nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Khi cho bị cáo T1 mượn xe, anh Lê Quang V không biết mục đích mượn xe của bị cáo T1 là dùng vào việc phạm tội nên không xử lý.

[9] Anh Lê Quang V và anh Lê Văn T3 biết rõ Lai Đức T1 đã có hành vi phạm tội, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo T1 không thuộc trường hợp quy định tại Điều 390 Bộ luật hình sự, do đó không xem xét xử lý đối với anh V, anh T3.

[9] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Đối với đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, bắt tạm giam bị cáo T ngay tại phiên tòa, HĐXX xét thấy tại báo cáo của Công an phường Sơn Giang ngày 31/8/2021 (nơi cư trú hiện nay của bị cáo) và lời khai của người đại diện hợp pháp của bị cáo bà N - mẹ ruột bị cáo thì không đủ cơ sở cho rằng bị cáo T có thể tiếp tục phạm tội nên không chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát.

[10] Về quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo T về tội danh, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Xuân T (Tý nhỏ) phạm “Tội cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T (Tý nhỏ) 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 30/4/2021 đến 24/6/2021.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lai Đức T1 (T1 chuối) phạm “Tội cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lai Đức T1 (T1 chuối) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/4/2021.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy Một áo khoác dài tay màu đen; một áo sơ mi dài tay màu xám; một quần Jeans shot ngắn màu xanh bị rách hai bên đùi; một đôi dép quai ngang, phần quai màu vàng, phần đế dép màu đen, hiệu FASHION; một áo vải sơ mi tay dài màu xanh; một quần Jeans dài, màu xám đen, quần bị rách hai bên đùi; một đôi dép loại quai kẹp, phần quai màu đen, hình tam giác màu vàng, có in chữ trên quai màu trắng: “FENDI”, phần trên của đế dép màu đỏ, mặt dưới của đế dép màu đen, có đường kẻ xung quanh màu trắng. (Theo biên bản giao nhận ngày 02/7/2021)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2021).

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt